

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/DS-PT

Ngày: 18-8 - 2023

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Kim Khánh

*Các Thẩm phán:* Ông Y Phi Kbuôr

Ông Vũ Văn Tú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 154/2023/TLPT-DS ngày 14/6/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2023/DS-ST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 212/2023/QĐ-PT ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 183/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Trần Đồng T, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn P, xã G, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Hà Văn TH, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

**Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:** Bà Trần Bá Lan V, sinh năm 1999; địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**3. Người kháng cáo:** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/ Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Đồng T trình bày có nội dung như sau:*

Vào ngày 15/3/2022, ông có cho ông Hà Văn TH vay số tiền 600.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 1%/1 tháng, thời gian trả nợ vào ngày 15/4/2022. Đến ngày 27/6/2022 ông cho ông Hà Văn TH vay thêm số tiền 400.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/1 tháng, thời gian trả nợ vào ngày 01/7/2022. Khi vay, hai bên có lập hợp đồng cho mượn tiền, ông TH đều ký vào đại diện bên B (bên vay tiền) của hai hợp đồng trên. Đến hẹn, ông TH không trả nợ mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Đến ngày 02/8/2023 ông TH mới trả cho tôi được 350.000.000 đồng của hợp đồng vay số tiền là 400.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hà Văn TH phải trả cho ông số tiền 650.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất của ngân hàng của khoản vay 600.000.000 đồng kể từ ngày 15/3/2022 cho đến khi trả hết nợ, đối với số tiền 50.000.000 đồng yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 02/8/2023 cho đến khi trả hết nợ.

*\*/ Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Bá Lan V trình bày có nội dung như sau:*

Bị đơn ông Hà Văn TH không thừa nhận là có vay số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Trần Đồng T và không thừa nhận chữ ký chữ viết trong hai hợp đồng mượn tiền ngày 15/3/2022 và ngày 27/6/2022, do đó đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đồng T. Việc ông T cho rằng ông TH có vay tiền và có ký hợp đồng mượn tiền thì ông T phải chứng minh chữ ký chữ viết của bên vay là do ông Hà Văn TH ký và viết ra.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đồng T.
2. Buộc bị đơn ông Hà Văn TH phải trả cho ông Trần Đồng T số tiền là 721.835.000 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi là 71.835.000 đồng. Và tiền lãi phát sinh theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 04/4/2023 cho đến khi trả xong nợ.
3. Về án phí: Hoàn trả lại cho ông Trần Đồng T số tiền 13.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0009264 ngày 07/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 32.873.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2023 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Bá Lan V có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, xét xử lại vụ án theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đồng T.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá, lập luận đại diện viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DSST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Trần Đồng T xác định ngày 15/3/2022 ông có cho bị đơn ông Hà Văn TH vay số tiền 600.000.000 đồng để ông TH đáo hạn Ngân hàng, khi vay thì hai bên có lập Hợp đồng cho mượn tiền và thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 15/4/2022 tuy nhiên đến hạn bị đơn chưa trả cho ông khoản tiền nào; Ngày 27/6/2022 ông tiếp tục cho bị đơn ông TH vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay hai bên có lập Hợp đồng cho mượn tiền và có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả nợ là ngày 01/7/2022, tuy nhiên đến ngày 02/8/2023 ông TH mới trả cho ông được số tiền 350.000.000 đồng, ngoài ra từ đó đến nay ông TH không trả nợ cho ông khoản tiền vay còn nợ của 02 khoản vay nêu trên. Đối với bên phía bị đơn thì phía bị đơn cho rằng ông Hà Văn TH không vay bất cứ khoản tiền nào của ông

T, đồng thời chữ ký chữ viết trong 02 Hợp đồng cho mượn tiền nêu trên là không phải của ông TH.

[2.1] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, thì thấy: Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn ông T cung cấp cho Tòa án Hợp đồng cho mượn tiền ngày 15/3/2022 và Hợp đồng cho mượn tiền ngày 27/6/2022, 02 Hợp đồng này đều thể hiện nội dung bên cho vay là ông Trần Đồng T, bên vay là ông Hà Văn TH và thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất; đồng thời tại Kết luận giám định số 859/KL-KTHS ngày 20/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận là chữ ký, chữ viết ghi họ tên “Hà Văn TH” cần giám định với chữ ký, chữ viết trong mẫu so sánh của ông Hà Văn TH là do cùng một người ký và viết ra, tức là chữ viết chữ ký trong Hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 15/3/2022 và Hợp đồng cho mượn tiền đề ngày 27/6/2022 do ông T cung cấp cho Tòa án là chữ viết chữ ký của ông Hà Văn TH. Như vậy, việc vay mượn giữa ông T với ông TH vào các ngày 15/3/2022 và ngày 27/6/2022 là có thật, bên phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào khác để chứng minh cho ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông T xác định bị đơn ông TH đã trả nợ cho ông số tiền 350.000.000 đồng của khoản vay 400.000.000 đồng cho nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông TH trả cho ông T tổng số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (trong đó 600.000.000 đồng là của khoản vay ngày 15/3/2022 và 50.000.000 đồng là số tiền còn lại của khoản vay ngày 27/6/2022) là có căn cứ nên đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Do nguyên đơn không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét và giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần lãi suất.

[2.3] Về thiếu sót của Bản án sơ thẩm:

Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải chịu lãi phát sinh theo lãi suất Ngân hàng kể từ ngày 04/4/2023 (là ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi trả nợ xong là không đúng theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần sửa lại và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về chi phí giám định: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 6.860.000 đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Ông Trần Đồng T được nhận lại số tiền 6.860.000 đồng sau khi thu được của bị đơn ông Hà Văn TH.

Đối với số tiền tạm ứng chi phí giám định còn lại là: 8.000.000đ – 6.860.000đ = 1.140.000 đồng thì Tòa án đã trả lại cho ông Trần Đồng T và ông T đã nhận đủ số tiền 1.140.000 đồng.

[4]. Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đồng T.

Buộc bị đơn ông Hà Văn TH phải trả cho ông Trần Đồng T số tiền là 721.835.000 đồng (Bảy trăm hai mươi một triệu, tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 650.000.000 đồng, tiền lãi là 71.835.000 đồng.

*Trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Hà Văn TH còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 32.873.000 đồng (Ba mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Đồng T số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009264 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà Trần Bá Lan V là người đại diện theo ủy quyền của ông TH đã nộp theo biên lai thu số 0022330 ngày 04/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

[3] Về chi phí giám định: Bị đơn ông Hà Văn TH phải chịu số tiền 6.860.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền chi phí cho việc giám định chữ ký, chữ viết. Ông Trần Đồng T được nhận lại số tiền 6.860.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm sáu mươi ngàn đồng) sau khi thu được của bị đơn ông Hà Văn TH.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Hoàng Kim Khánh**